

Số: 118/2021/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 14 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 107/2021/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Chị Đỗ Thị N - Sinh năm: 1995 (có mặt)

HKTT: thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên

- Anh Trần Văn L - Sinh năm: 1990 (có mặt)

HKTT/địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Trần Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2013 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau và do vợ chồng không có con chung. Mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng và từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị N và anh L đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn

cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L.

[2] Về con chung: Chị N và anh L cùng xác nhận vợ chồng không có con chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Chị N và anh L cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị N và anh L thỏa thuận để chị N nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Trần Văn L đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh L cùng xác nhận vợ chồng không có con chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Chị N và anh L xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị N và anh L thỏa thuận: Chị N nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0001396 ngày 30/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Văn Giang;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Văn Giang;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Miện